

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2019/DS-ST
Ngày: 25 / 10 / 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;
2. Ông Nguyễn Văn Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 344/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 404/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Thành A, sinh năm 1950; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Phước H, sinh năm 1980; địa chỉ: số 70/4, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã K chứng nhận ngày 13/8/2019); có mặt.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, do quen biết nên vào ngày 10/7/2017 âm lịch, ông A có cho vợ chồng ông N, bà P vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Sau khi nhận đủ số tiền vay, ông N, bà P có trả lãi đến ngày 10/5/2019 âm lịch thì ngưng trả.

Từ ngày 10/7/2017 âm lịch đến ngày 10/5/2019 âm lịch, ông A có nhận tiền lãi từ bà P được 22 tháng, mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng với tổng số tiền 88.000.000 đồng.

Đến nay, ông N, bà P vẫn còn nợ lại ông A số tiền vốn vay 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/5/2019 âm lịch cho đến nay. Mặc dù, ông A đã nhiều lần yêu cầu trả nợ vay, nợ lãi nhưng ông N, bà P vẫn chưa thực hiện.

Vì vậy, ông A yêu cầu ông N, bà P có nghĩa vụ trả số tiền vay 200.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/5/2019 âm lịch cho đến khi trả hết nợ.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Bản tự khai của ông Võ Thành A ngày 19/7/2019; biên nhận ngày 10/7/2017 đề họ tên người mượn là Nguyễn Thị Thanh P và Nguyễn Văn N (bản photo).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P cho rằng, cách đây khoảng 08 năm, bà P, ông N (chồng của bà P) có vay của ông A số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn, mục đích vay tiền để làm vốn làm ăn. Cứ sau 02 năm, bà P, ông N với ông A lập biên nhận mới đổi với số tiền đã vay. Kể từ ngày vay tiền cho đến ngày 10/5/2019 âm lịch, vợ chồng bà P đều có trả lãi đầy đủ cho ông A.

Vào ngày 10/7/2017 âm lịch, bà P, ông N và ông A lập biên nhận mới do bà P tự ghi và ký tên vào cuối biên nhận. Ông N biết và chứng kiến việc bà P lập biên nhận. Việc ông N không ký tên vào biên nhận là do vợ chồng bà P với ông A là chỗ quen biết, vay tiền với nhau từ rất lâu.

Từ ngày 10/7/2017 âm lịch đến ngày 10/5/2019 âm lịch, vợ chồng bà P có trả lãi cho ông A được 22 tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng với tổng số tiền 88.000.000 đồng. Kể từ ngày 10/5/2019 âm lịch cho đến nay, vợ chồng bà P không trả lãi tiếp và chưa trả tiền vốn cho ông A. Hiện tại, vợ chồng bà P vẫn còn nợ ông A số tiền vay 200.000.000 đồng.

Khoảng đầu tháng 7/2019, bà P và ông A có thỏa thuận, ông A lấy 03 vật dụng trong nhà của bà P (gồm: kệ bếp gỗ, tủ gỗ, đi văng thùng bằng gỗ) để khẩn trừ nợ nhưng sau đó ông A thay đổi ý kiến, không nhận đồ vật để khẩn trừ nợ rồi khởi kiện vợ chồng bà P.

Bà P đồng ý cùng ông N trả số nợ 200.000.000 đồng theo yêu cầu của ông A nhưng do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý

kiến.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

Bên cạnh đó, ông H, bà P còn khai, khoản vay mà các bên xác lập là khoản vay không thời hạn. Khi nào cần lấy lại vốn vay thì ông A thông tin cho ông N, bà P biết. Đối với số tiền lãi 88.000.000 đồng đã trả, ông H, bà P đề nghị Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông ông N là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà P, ông N vay tiền của ông A, còn nợ lại số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 10/7/2017 âm lịch. Cho nên, ông A khởi kiện yêu cầu bà P, ông N trả nợ là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với ông N, mặc dù không ký tên vào biên nhận nợ nhưng khoản nợ mà ông A khởi kiện phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông N, bà P nên ông A khởi kiện yêu cầu ông N liên đới cùng bà P trả nợ là phù hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về yêu cầu trả lãi, ông N, bà P chậm thực hiện nghĩa vụ nên ông A yêu cầu trả lãi là có căn cứ. Tuy nhiên, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận và số tiền lãi mà bà P, ông N đã trả là cao hơn quy định pháp luật. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bà P xin được trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A; buộc ông N, bà P liên đới trả cho ông A số nợ vốn 200.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật; điều chỉnh tiền lãi vượt quá quy định trong số tiền lãi 88.00.000 đồng mà ông A đã nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Võ Thành A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Thanh P trả nợ vay. Ông N, bà P đang cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới nên yêu cầu kiện của ông A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà P cùng xác định vào ngày 10/7/2017 âm lịch (ngày 31/8/2017), bà P có cùng ông N vay của ông A số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn.

Sau khi vay, ông N, bà P có trả lãi cho ông A từ ngày 10/7/2017 âm lịch đến ngày 10/5/2019 âm lịch (ngày 12/6/2019) được 22 tháng với tổng số tiền 88.000.000 đồng (mỗi tháng 4.000.000 đồng) rồi ngưng trả lãi, nợ vốn.

Lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà P phù hợp với biên nhận ngày 10/7/2017 âm lịch đề họ tên người vay là Nguyễn Thị Thanh P, Nguyễn Văn N.

Vì vậy, có căn cứ xác định, ông N, bà P có vay của ông A số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 10/7/2017 âm lịch và đã trả lãi được 22 tháng (từ ngày 10/7/2017 âm lịch đến ngày 10/5/2019 âm lịch) với tổng số tiền 88.000.000 đồng.

[4] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

Do ông N, bà P ngưng trả lãi và không trả nợ vốn nên ông A khởi kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn yêu cầu ông N, bà P trả vốn vay 200.000.000 đồng và nợ lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/5/2019 âm lịch đến khi trả hết nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, mức lãi suất 2%/tháng mà các đương sự thỏa thuận và số tiền lãi mà ông N, bà P đã trả 88.000.000 đồng từ ngày 10/7/2017 âm lịch đến ngày 10/5/2019 âm lịch là cao hơn quy định pháp luật. Cho nên, cần điều chỉnh lại để đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia giao dịch.

Số tiền lãi theo quy định pháp luật mà bà P, ông N phải trả đối với khoản vay 220.000.000 đồng từ ngày 10/7/2017 âm lịch (ngày 31/8/2017) đến ngày 10/5/2019 âm lịch (ngày 12/6/2019) là:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\%/\text{tháng} \times 21,6 \text{ tháng} = 71.917.200 \text{ đồng}.$

Phần tiền lãi chênh lệnh đã trả được khấu trừ vào vốn là:

$88.000.000 \text{ đồng} - 71.917.200 \text{ đồng} = 16.028.800 \text{ đồng}.$

Cho nên, bà P, ông N còn nợ ông A vốn vay sau khi khấu trừ số lãi vượt quá quy định pháp luật vào nợ vốn là:

$200.000.000 \text{ đồng} - 16.028.800 \text{ đồng} = 183.971.200 \text{ đồng}.$

Số tiền lãi mà bà P, ông N có nghĩa vụ trả cho ông A từ ngày 11/5/2019 âm lịch (ngày 13/6/2019) cho đến ngày xét xử (ngày 25/10/2019) trên số nợ vốn còn lại là:

$183.971.200 \text{ đồng} \times 1,666\%/\text{tháng} \times 4,4 \text{ tháng} = 13.485.800 \text{ đồng}.$

Vì vậy, tổng số nợ vốn, nợ lãi mà ông N, bà P có nghĩa vụ trả cho ông A được Hội đồng xét xử chấp nhận là:

$183.971.200 \text{ đồng} + 13.485.800 \text{ đồng} = 197.457.000 \text{ đồng}.$

[5] Đối với các khoản vay được xác lập trước ngày 10/7/2017 âm lịch, do ông H, bà P xác định đã thực hiện xong và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về phương thức thanh toán, bà P yêu cầu trả dần số nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận. Cho nên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ông A là 9.872.800 đồng.

Ông Võ Thành A được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành A.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Thanh P có nghĩa vụ trả cho ông Võ Thành A số nợ vay 197.457.000 (một trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 9.872.800 (*chín triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Thành A được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Võ Thành A, bà Nguyễn Thị Thanh P có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình